|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 19**  **Tiết 37** | **THOÁI HÓA DO TỰ THỤ PHẤN VÀ GIAO PHỐI GẦN** | **Ngày soạn: 13/01/2024**  **Ngày dạy: 16/01/2024** |

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh hiểu và trình bày được nguyên nhân thoái hóa của tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật, vai trò của 2 trường hợp trên trong chọn

giống.

**2. Kỹ năng:** - Trình bày được phương pháp tạo dòng thuần ở cây giao phấn.

**3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh ý thức yêu thích môn học .

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực quan sát, giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống ...

**b. Năng lực riêng:** Trình bày câu trả lời, bài tập, thực hành, báo cáo...

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1. Giáo viên:** - Tranh phóng to H 34.1 tới 34.3 SGK.

**2. Học sinh:** Kiến thức liên quan.

**III. Chuỗi các hoạt động học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Tại sao ta trồng cây trong một thế hệ dòng thế hệ sau ngày càng giảm năng suất? Tại sao vật nuôi thường xày ra giao phối cận huyết giảm sức sống? Vậy ta phải làm gì để có giống tốt và năng suất cao?  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS trao đổi và phát biểu các vấn đề liên quan bài mới.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | |
| **I. Hiện tượng thoái hóa**  **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - Yêu cầu HS nghiên cứu SGK mục I  - Hiện tượng thoái hoá do tự thụ phấn ở cây giao phấn biểu hiện như thế nào?  - Cho HS quan sát H 34.1 minh hoạ hiện tượng thoái hoá ở ngô do tự thụ phấn.  - HS tìm hiểu mục 2 và trả lời câu hỏi:  *- Giao phối gần là gì? Gây ra hậu quả gì ở sinh vật?*  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS  **II. Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa**  **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu H 34.3 ; màu xanh biểu thị thể đồng hợp  - Yêu cầu HS quan sát H 34.3 và trả lời:  *- Qua các thế hệ tự thụ phán hoặc giao phối cận huyết, tỉ lệ thể đồng hợp và dị hợp biến đổi như thế nào?*  *- Tại sao tự thụ phấn ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật lại gây ra hiện tượng thoái hoá?*  - GV giúp HS hoàn thiện kiến thức.  - GV mở rộng thêm: ở một số loài động vật, thực vật cặp gen đồng hợp không gây hại nên không dẫn đến hiện tượng thoái hoá ⭢ có thể tiến hành giao phối gần.  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS  **III. Vai trò của phương pháp tự thụ phấn và giao phối cận huyết trong chọn giống .**  **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và  trả lời câu hỏi:  *- Tại sao tự thụ phấn bắt buộc và giao phối gần gây ra hiện tượng thoái hoá nhưng những phương pháp này vẫn được người ta sử dụng trong chọn giống?*  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS | **I. Hiện tượng thoái hóa**  **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS nghiên cứu SGK để trả lời câu hỏi, rút ra kết luận.  - HS quan sát H 34.1 để thấy hiện tượng thoái hoá ở ngô.  VD: hồng xiêm, bưởi, vải thoái hoá quả nhỏ, ít quả, khôn ngọt.  - Dựa vào thông tin ở mục 2 để trả lời.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau  **II. Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa**  **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu kĩ H 34.3, thảo luận nhóm và nêu được:  + Tỉ lệ đồng hợp tăng, tỉ lệ dị hợp giảm.  + Các gen lặn ở trạng thái dị hợp chuyển sang trạng thái đồng hợp ⭢ các gen lặn có hại gặp nhau biểu hiện thành tính trạng có hại, gây hiện tượng thoái hoá.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau  **III. Vai trò của phương pháp tự thụ phấn và giao phối cận huyết trong chọn giống .**  **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu SGK mục III và trả lời câu hỏi.  - 1 HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau | **I.Hiện tượng thoái hóa :**  1. Hiện tượng thoái hoá do tự thụ phấn ở cây giao phấn: các cá thể của thế hệ kế tiếp có sức sống dần biểu hiện các dấu hiệu như phát triển chậm, chiều cao cây và năng suất giảm dần, nhiều cây bị chết, bộc lộ đặc điểm có hại.  2. Hiện tượng thoái hoá do giao phối gần ở động vật:  - Giao phối gần (giao phối cận huyết) là sự giao phối giữa các con cái sinh ra từ 1 cặp bố mẹ hoặc giữa bố mẹ với con cái của chúng.  - Giao phối gần gây ra hiện tượng thoái hoá ở thế hệ con cháu: sinh trưởng và phát triển yếu, khả năng sinh sản giảm, quái thai, dị tật bẩm sinh, chết non.  **II.Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa**  - Tự thụ phấn hoặc giao phối gàn ở động vật gây ra hiện tượng thoái hoá vì tạo ra cặp gen lặn đồng hợp gây hại.  **III.Vai trò của phương pháp tự thụ phấn và giao phối cận huyết trong chọn giống .**  - Dùng phương pháp này để củng cố và duy trì 1 số tính trạng mong muốn, tạo dòng thuần, thuận lợi cho sự kiểm tra đánh giá kiểu gen của từng dòng, phát hiện các gen xấu để loại ra khỏi quần thể, chuẩn bị lai khác dòng để tạo ưu thế lai. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG** | | |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời 2 câu hỏi SGK trang 101  - Em hãy liệt kê một số hiện tượng thoái hóa ở thực vật và động vật?  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS trả lời và trao đổi  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG** | | |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Học bài và trả lời câu hỏi SGK.  - Tìm hiểu vai trò của dòng thuần trong chọn giống.  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS ghi nhớ và phát biểu vấn đề liên quan.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá HS |  |

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

Câu hỏi trong SBT

**IV. Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Trả lời câu hỏi trong Sách giáo khoa.

- Đọc và tìm hiểu trước Bài 35: Ưu thế lai, Bài 36: Các phương pháp chọn lọc.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 19**  **Tiết 38** | **ƯU THẾ LAI-CÁC PHƯƠNG PHÁP CHỌN LỌC** | **Ngày soạn: 13/01/2024**  **Ngày dạy: 18/01/2024** |

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh nắm được khái niệm ưu thế lai, cơ sở di truyền của hiện tượng ưu thế lai, lí do không dùng cơ thể lai để nhân giống.

- Nắm được các nguyên nhân xuất hiện ưu thế lai.

- Hiểu và trình bày được khái niệm về ưu thế lai.

- Nêu được vai trò của chọn lọc trong chọn giống.

-Trình bày phương pháp chọn lọc cá thể, phương pháp chọn lọc hàng loạt.

**2. Kỹ năng:** Trình bày, trả lời, liên hệ phân tích, giải thích...

**3. Thái độ:** - Giáo dục học sinh lòng say mê bộ môn và ý thức học tập .

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực quan sát, giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống ...

**b. Năng lực riêng:** Giải thích, liên hệ vận dụng thực tế, cho ví dụ...

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

**1. Giáo viên:**

- Tranh phóng to H 35 SGK.

- Tranh 1 số giống động vật; bò, lợn, dê ⭢ Kết quả của phép lai kinh tế.

-Tranh hình 36.1 & 36.2 SGK

**2. Học sinh:** Kiến thức liên quan.

**III. Chuỗi các hoạt động học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Kiểm tra câu 1, 2 SGK trang 101  - Ưu thế lai là gì? Nguyên nhân và ứng dụng ưu thế lai như thế nào?  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS trả lời và phát biểu vấn đề liên quan bài mới.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | |
| **I. Hiện tượng ưu thế lai**  **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV cho HS quan sát H 35 phóng to và đặt câu hỏi:  *- So sánh cây và bắp ngô của 2 dòng tự thụ phấn với cây và bắp ngô ở cơ thể lai F1 trong H 35?*  - GV nhận xét ý kiến của HS và cho biết: hiện tượng trên được gọi là ưu thế lai.  - Ưu thế lai là gì? Cho VD minh hoạ ưu thế lai ở động vật và thực vật?  - GV cung cấp thêm 1 số VD.  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS  **II. Nguyên nhân của hiện tượng ưu thế lai:**  **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi:  *- Tại sao khi lai 2 dòng thuần ưu thế lai thể hiện rõ nhất?*  *- Tại sao ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F1 sau đó giảm dần qua các thế hệ?*  - GV giúp HS rút ra kết luận.  *- Muốn duy trì ưu thế lai con người đã làm gì?*  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS  **III. Vai trò của chọn lọc trong chọn giống.**  - GV y/c các nhóm ng/cứu thông tin sgk → thảo luận các câu hỏi sau:  ? Hãy cho biết vai trò của chọn lọc trong chọn giống.  **IV. Chọn lọc hàng loạt, chọn lọc cá thể**  - GV y/c các nhóm nghiện cứu thông tin phần II  Thảo luận nhóm để hoàn thành lệnh SGK/106  - GV y/c nghiên cứu thông tin III → thảo luận nhóm để : So sánh chọn lọc hàng loạt với chọn lọc cá thể về: Khái niệm, cách tiến hành, ưu nhược điểm.( hoàn thành trên PHT)  - GV gọi hs lên bảng hoàn thành.  - GV chốt lại đáp án đúng. | **I. Hiện tượng ưu thế lai**  **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS quan sát hình, chú ý đặc điểm: chiều cao cây, chiều dài bắp, số lượng hạt ⭢ nêu được:  + Cơ thể lai F1 có nhiều đặc điểm trội hơn cây bố mẹ.  - HS nghiên cứu SGK, kết hợp với nội dung vừa so sánh nêu khái niệm ưu thế lai.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau  **II. Nguyên nhân của hiện tượng ưu thế lai:**  **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiêncứu SGK, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:  + Ưu thế lai rõ vì xuất hiện nhiều gen trội có lợi ở con lai F1.  + Các thế hệ sau ưu thế lai giảm dần vì tỉ lệ dị hợp giảm.  + Nhân giống vô tính.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau  **III. Vai trò của chọn lọc trong chọn giống.**  - HS:   + Nhu cầu của con người.   + Tránh thoái hóa.  - Đại diện các nhóm trình bày.  **IV. Chọn lọc hàng loạt, chọn lọc cá thể**  - HS khác nhận xét, bổ sung. | **I.Hiện tượng ưu thế lai**  - Ưu thế lai là hiện tượng cơ thể lai F1 có ưu thế hơn hẳn so với bố mẹ: có sức sống cao hơn, sinh trưởng nhanh, phát triển mạnh, chống chịu tốt, năng suất cao hơn.  - Ưu thế lai biểu hiện rõ khi lai giữa các dòng thuần có kiểu gen khác nhau.  **II. Nguyên nhân của hiện tượng ưu thế lai:**  - Khi lai 2 dòng thuần có kiểu gen khác nhau, ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F1 vì hầu hết các cặp gen ở trạng thái dị hợp chỉ biểu hiện tính trạng trội có lợi.  + Tính trạng số lượng (hình thái, năng suất) do nhiều gen trội quy định.  - Sang thế hệ sau, tỉ lệ dị hợp giảm nên ưu thế lai giảm. Muốn khắc phục hiện tượng này, người ta dùng phương pháp nhân giống vô tính (giâm, ghép, chiết...).  **III. Vai trò của chọn lọc trong chọn giống.**  - Chọn lọc giống phù hợp với nhu cầu nhiều mặt và luôn thay đổi của người tiêu ding.  - Tạo ra giống mới cải tạo giống cũ.  **IV. Chọn lọc hàng loạt, chọn lọc cá thể**  -Chọn lọc hàng loạt :trong 1 quần thể vật nuôi hay cây trồng dựa vào kiểu hình người ta chọn 1 nhóm cá thể phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống.  -Chọn lọc cá thể :trong quần thể khởi đầu chọn lấy 1 số ít cá thể tốt nhất rồi nhân lên 1 cách riêng lẻ theo từng dòng. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG** | | |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Trả lời câu 1, 2, 3, SGK trang 104.  - Em đã thấy hiện tượng ưu thế lai ở loài nào? Họ sử dụng nó trong mục đích gì?  - Nêu điểm giống và khác nhau giữa phương pháp chọn lọc hàng loạt và chọn lọc cá thể.  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận và trả lời  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau |  |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG** | | |
| **1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Học bài và trả lời câu hỏi SGK.  - Tìm hiểu thêm về các phương pháp tạo ưu thế lai.  **2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đánh giá HS | **1. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS ghi nhớ và phát biểu ý kiến.  **2. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Tự đánh giá nhau |  |

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

Câu hỏi trong SBT

**IV. Hướng dẫn về nhà**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Trả lời câu hỏi trong Sách giáo khoa.

- Đọc và tìm hiểu trước Bài 37: Thành tựu chọn giống ở Việt Nam, Bài 38: Thực hành tâp dợt thao tác giao phấn .